TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **269/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2023
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thành Chúng

Ông Võ Hoàng Nghiệp

- Thư ký phiên toà: Bà **Triệu Thị Bình** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Trà Mi** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn V M, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 12, ấp Phú Hiệp, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh H P, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 12, ấp Phú Hiệp, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông M nộp đơn xin ly hôn với bà P với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa ông, bà được hình thành là do tự tìm hiểu rồi được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung thời gian đầu tương đối hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, bà P không chăm lo cuộc sống kinh tế gia đình. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn với bà P.

Về quan hệ con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Lộc Phát, sinh ngày 24/10/2016 hiện đang sống chung với ông M và Nguyễn Lộc Tài, sinh ngày 25/4/2019 hiện đang sống với bà P. Khi ly hôn ông M yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Phát, đồng ý cho bà P tiếp tục nuôi cháu Tài và không yêu cầu cấp dưỡng.

Bà P vắng mặt, không có trình bày ý kiến.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy hôn nhân giữa ông M và bà P có mâu thuẫn vợ chồng và không thể hàn gắn được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn V M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thanh H P, xác định quan hệ tranh chấp "Hôn nhân và gia đình, xin ly hôn", ông M là nguyên đơn, bà P là bị đơn. Bà P có nơi cư trú tại ấp Phú Hiệp, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên yêu cầu xin ly hôn của ông M được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa hai người hình thành là tự tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau. Nay ông M xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là do bất đồng quan điểm, thường hay gây nhau, bỏ mặc nhau, không quan tâm, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hiện tại ông M xác định là không còn tình cảm với bà P và mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng không có tiếng nói chung không thể tiếp tục chung sống với bà P.

Trong thời gian dài hai người không quan tâm nhau, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình, thì ông bà đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 luật hôn nhân và gia đình 2014 "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu,

chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình", do đó Tòa án nhận thấy cả hai vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống ông M và bà P có hai con chung tên Nguyễn Lộc Phát, sinh ngày 24/10/2016 hiện đang sống chung với ông M và Nguyễn Lộc Tài, sinh ngày 25/4/2019 hiện đang sống với bà P,

Ông M có yêu cầu được nuôi cháu Phát, đồng ý cho bà P tiếp tục nuôi cháu Tài và không yêu cầu cấp dưỡng con chung sau khi ly hôn. Xét thấy từ lúc ly thân cho đến nay thì cháu Phát sống chung với ông M, cháu Tài sống chung với bà P nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông M và công nhận sự tự nguyện của ông M không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo quy định của pháp luật bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi con, tuy nhiên bà P vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này bà P có yêu cầu cầu cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông M khai không có. Do bà P vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này bà P có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Ông M là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà P không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn V M**

Về hôn nhân: Ông Nguyễn V M được ly hôn với bà Nguyễn Thanh H P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 89, ngày 05/5/2016 của Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông M được nuôi cháu Nguyễn Lộc Phát, sinh ngày 24/10/2016 và bà P được nuôi cháu Nguyễn Lộc Tài, sinh ngày 25/4/2019.

Công nhận sự tự nguyện của ông M không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung và ngược lại. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Ông Nguyễn V M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008283 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (ông M đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/7/2023) các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thanh H P được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phong Phi

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.